

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ MỘC CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 105/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/6/2025.  
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.
2. Bà Hoàng Thị Hội.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Yển, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thào Thị P, sinh 1996.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh S (nay là bản N, xã C, thị xã M, tỉnh S), có mặt.

- Bị đơn: Anh Sông A T (tên gọi khác T), sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh S (nay là bản N, xã C, thị xã M, tỉnh S), vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 07/02/2025, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Thào Thị P trình bày:***

Chị P và anh T về sống với nhau từ năm 2012, lúc đó chị P và anh T đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, nên đến ngày 01/6/2017 thì chị P và anh T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau ngày cưới chị P về ở nhà bố mẹ anh T.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T nghiện rượu, từ đó không quan tâm gì đến gia đình, vợ con nữa, thường xuyên gây sự đánh đập chị.

Mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, do không chịu được nên chị P đã bỏ về nhà ở với bố mẹ đẻ ở bản Pha Luông, xã Chiềng Sơn, thị xã Mộc Châu ở từ năm 2019, từ đó sống ly thân không ai đi lại thăm hỏi ai nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 cháu là Sông Thị C, sinh ngày 30/8/2013, cháu Sông A D, sinh ngày 11/8/2015, cháu Sông Ngọc D, sinh ngày 11/7/2017.

Từ khi chị P bỏ về nhà bố đẻ ở, chị có lên đón các con về cùng ở với chị, nhưng anh T không cho, do vậy các cháu hiện nay đang ở với anh T.

Sau khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi cả ba cháu vì thực tế cả ba cháu đều có nguyện vọng ở với chị, nhưng do bố mẹ anh T và anh T không cho đi nên các cháu phải chịu.

Chị P không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Không có gì.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không đề nghị gì thêm.

Về án phí: Chị Thào Thị P xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Thảo Thị P. Xử cho chị Thảo Thị P được ly hôn với anh Sòng A T ( tức Tòng).

2. Về con chung: Giao cho chị Thảo Thị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Sòng Thị C, sinh ngày 30/8/2013, cháu Sòng A D, sinh ngày 11/8/2015, cháu Sòng Ngọc D, sinh ngày 11/7/2017, đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Sòng A T do chị P chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Chị Thảo Thị P xác định không có nên không giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Thảo Thị P xác định không có nên không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Thảo Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

**[1]** Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Sòng A T, không có yêu cầu phản tố, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị P đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án và lãnh đạo bản đến giao cho anh T, do không gặp được anh T nên đã giao cho gia đình để gia đình thông báo anh T.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Sòng A T đã biết việc chị Thảo Thị P có đơn xin ly hôn gửi TAND thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, nhưng anh T cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản Tố tụng theo quy định của pháp luật để anh T biết.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

## **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Chị P và anh T về sống với nhau từ năm 2012 theo phong tục tập quán người dân tộc Mông, lúc đó chị P và anh T đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, đến ngày 01/6/2017 thì chị P và anh T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn của hai anh chị đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau ngày cưới chị P về ở nhà bố mẹ anh T.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, do không chịu được nên chị P đã bỏ về nhà ở với bố mẹ đẻ ở bản Pha Luông, xã Chiềng Sơn, thị xã Mộc Châu ở từ năm 2019, từ đó sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Do anh T vắng mặt, không có lời khai, để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương để xác định tình trạng hôn nhân của hai anh chị.

Qua xác minh được biết, sau ngày cưới chị P về ở nhà bố mẹ anh T.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không chịu được nên chị P đã bỏ về nhà ở với bố mẹ đẻ ở từ năm 2019, từ đó sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Hiện nay anh T đi làm thuê, làm ở đâu thì chính quyền địa phương không nắm được, nhưng vẫn thấy anh T đi về.

Từ khi hai anh chị sống ly thân về con chung của hai anh chị hiện cả ba cháu vẫn ở với anh T và bố mẹ anh T. Tiền nuôi các con ăn học chị P có đóng góp.

Xác minh về tài sản chung của chị P và anh T được biết, do chị P về làm dâu ở cùng với gia đình anh T nên không có gì.

Về vay nợ chung, đến thời điểm hiện tại không thấy ai đến đòi nợ.

Xét thấy việc anh T cố ý né tránh không chịu hợp tác làm việc cùng Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn của chị P là để gây khó khăn cho chị P trong việc giải

quyết ly hôn, nhưng qua xác minh với chính quyền địa phương xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị P và anh T đã thực sự trầm trọng được chứng minh là hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019, không ai đi lại thăm hỏi nhau nữa, như vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thào Thị P và xử cho chị Thào Thị P được ly hôn với anh Sông A T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh T có 03 con chung là cháu Sông Thị C, sinh ngày 30/8/2013, cháu Sông A D, sinh ngày 11/8/2015, cháu Sông Ngọc D, sinh ngày 11/7/2017.

Tòa án cũng đã ghi ý kiến của các cháu để biết nguyện vọng của các cháu ở với bố hay mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn. Các cháu có ý kiến nếu bố, mẹ ly hôn các cháu xin ở với chị P.

Xét thấy từ khi chị P và anh T ly thân các con của anh chị vẫn ở với anh T và bố mẹ anh T, tại phiên tòa chị P đề nghị do anh T thường xuyên không có mặt ở nhà nên việc chăm sóc nuôi dưỡng các con đều do bố mẹ anh T nuôi là không đảm bảo. Nay ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho các cháu được đảm bảo hơn.

Xét thấy chị P là người có trách nhiệm, khi chị bỏ về ở với bố mẹ đẻ của chị, việc chị không đưa các con đi cùng với chị được là do anh T và bố mẹ anh T ngăn cản, mặc dù chị P không trực tiếp nuôi con nhưng chị vẫn gửi tiền về cho các cháu ăn, học, chứ không phải chị bỏ mặc các cháu cho anh T nuôi, bản thân anh T hiện thường xuyên vắng nhà, việc nuôi các cháu đều do bố mẹ anh T nuôi, do đó để quyền lợi và nghĩa vụ của chị P cũng như quyền lợi của các cháu được đảm bảo, cần giao cháu Sông Thị C, sinh ngày 30/8/2013, cháu Sông A D, sinh ngày 11/8/2015, cháu Sông Ngọc D, sinh ngày 11/7/2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Do chị P không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị, nên tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho anh T.

Sau khi ly hôn không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Chị Thào Thị P xác định không có nên không giải quyết.

5. Về vay nợ chung: Chị Thào Thị P xác định không có nên không giải quyết.

6. Về án phí: Chị Thào Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Thào Thị P được ly hôn với anh Sông A T (Tòng).

2. Về con chung: Giao cháu Sông Thị C, sinh ngày 30/8/2013, cháu Sông A D, sinh ngày 11/8/2015, cháu Sông Ngọc D, sinh ngày 11/7/2017, cho chị Thào Thị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về đóng góp tiền nuôi con chung: Do chị Thào Thị P chưa yêu cầu anh Sông A T phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng với chị. Nên tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Sông A T.

3. Về tài sản chung: Chị Thào Thị P xác định không có nên không giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Chị Thào Thị P xác định không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thào Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002869 ngày 07/2/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/6/2025. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Chiềng Sơn, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Đỗ Như Khánh**

